

Sống Chăng Còn Quê

Hồi Ký của Một Người Việt Nam

Trần Mộng Lâm

Cuộc chiến Việt Nam 1954-1975 sau cùng xét lại chỉ là một cuộc chiến tranh tàn hại trong lịch sử nhân loại nói chung, và của nước Việt Nam nói riêng. Sự kết thúc của nó đã đẩy ra khỏi đất nước gần 3 triệu người Việt và làm dân tộc này vào một sự chia rẽ vô phương hàn gắn. Thường thì sau mỗi cuộc chiến tranh như vậy xuất hiện những tác phẩm văn chương nói lên thân phận của những người vì tai trời, ách nước phải trở thành nạn nhân bất đắc dĩ của thời cuộc. Họ không phải là những người lãnh đạo, cũng chẳng có danh phận, chức tước nào ngoài danh phận phó thường dân nhưng ở vị trí này, họ trở thành những nhân chứng quan trọng cho một thời đại, một biến cố mà Lịch Sử chính thức không thể ghi lại một cách trung thực được. Chúng ta đã đọc Chiến Tranh và Hòa Bình, Cuốn Theo Chiều Gió, Bác Sĩ Gi Va Gô, Giờ Thứ 25.. và say mê với các tác phẩm này. Thế nhưng cuộc chiến vừa qua tại đất nước chúng ta thì chỉ thấy xuất hiện về sau những tập hồi ký ghi lại những sự kiện riêng biệt của một nhân vật nào đó, vào một giai đoạn nào đó, có thể là một trận đánh, một thời gian cải tạo, một cuộc vượt biên, một cuộc đời làm lại nơi xứ người. Hiếm có một hồi ký nào ghi lại cả một cuộc đời, tương tự như cuốn tiểu thuyết BS Gi Va Gô của nhà văn Nga, Boris Pasternak . Rất may, cuốn hồi ký Sống Chăng Còn Quê của Trần Xuân Dũng vừa xuất hiện năm 2018 đã giúp chúng ta và con cháu thấy được cái thâm kịch của Việt Nam thế kỷ 20 qua những gì ghi lại của một người Việt Nam, một thanh niên tầm thường như hàng triệu thanh niên khác, không phải là một nhà cách mạng hay lý thuyết gia, cũng không phải lãnh tụ tôn giáo như các ông Hồ Chí Minh, Ngô đình Diệm, Ngô đình Nhu hay Thích Trí Quang...v.v

Bác Sĩ TRẦN XUÂN DŨNG

SỐNG CHĂNG CÒN QUÊ



Ảnh: Tác Giả Dũng

Cuốn Hồi Ký Sống Chăng Còn Quê của Trần Xuân Dũng dày 683 trang, trình bày trang nhã. Hình bìa là hình một căn nhà bằng gỗ, có dàn muống hoa vàng, trái xanh. Hình bìa sau là một nông trại tại Úc, với cây cỏ thụ cao ngất trời. Hai tám hình, hai nơi chốn, hai giai đoạn của một đời người, đời tác giả. Nếu chỉ hiểu cuốn sách này là một hồi ký của một cuộc đời, thì cuộc đời đó đầy chông gai, nước mắt. Tuy nhiên, người đọc có cảm tưởng là mục đích của tác giả khi ngồi viết 683 trang sách không phải là chỉ để ghi lại cuộc đời mình, mà tác giả muốn qua nó, viết lại lịch sử của toàn thể Việt Nam, từ năm 1939, là năm sinh của tác giả, cho đến ngày hôm nay. Có thể nói, tác giả khi ngồi viết lại cuốn hồi ký này, ông đã làm cái việc mà nhà văn Đoàn Thâm gọi là Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử. Có lẽ chúng ta không cần biết đến thân thế của chàng trai Việt này, tuy việc tìm hiểu không khó. Cái mà chúng ta cần biết là ông là một nhà thơ rất có tài, và đồng thời ông là một nhiếp ảnh gia, đồng thời là một nhà khoa học. Hai yếu tố này khiến ông mô tả rất chính xác những sự kiện ông chứng kiến trong cuộc sống hàng ngày.

Trần Xuân Dũng đã trải qua một thời thơ ấu rất gian truân, đánh dấu bằng nạn đói năm Ất Dậu 1945. Năm đó, vì sự ác độc của quân đội Nhật, bắt dân bỏ việc trồng lúa để trồng đay cung cấp cho chiến trường (Thế Chiến Thứ 2), Việt nam trải qua một nạn đói vô cùng khủng khiếp. Hãy xem ông thu vào ống kính cảnh tượng thâm trầm của nạn đói này:

*“Một buổi sáng, tôi đang ngồi trong cửa sổ nhìn ra ngoài đường, chợt nghe tiếng lọc cọc. Tiếng xe bò lăn trên đường. Từ phía thành Vinh về hướng nhà Ga. Xe tới gần, không thấy bò kéo xe mà là người. Hai người gầy yếu cố kéo cái xe đi từng chút một, trên xe có vài xác chết trợn lẩn với một ít bột vôi trắng. Những cái xác nằm trên xe đã rất gầy. Mặt thụt vào, da nhăn nhúm, tay chân không còn thịt. Có xác chỉ mặc có một cái quần đùi. Có xác mặc áo quần, nhưng đã tả tơi rách nát. Nhưng có điều là khuôn mặt nào cũng gầy như giống nhau. Da bám sát vào xương mặt. Máu trắng bệnh nhợt nhạt, như không có máu đã lâu ngày. Môi họ đều khô cong, dường như có nhiều lần nứt dọc....Những đám ruồi hiện đang bay hay đậu vào mặt những xác này.
Như thế đó, nạn đói năm Ất Dậu tại thành phố Vinh”*

Chính trong hoàn cảnh đau thương này mà đảng Công Sản Việt Nam có cơ hội nắm chính quyền. Việt Minh, thưở khởi đầu, chỉ là một bọn cơ hội chủ nghĩa. Với quyền sinh sát trong tay, nhân danh Cách Mạng, chúng làm mưa làm gió, giết người qua những bản án trời ời đất hời, tuyên án bởi những quan tòa chưa từng học qua một ngày tại các trường Luật. Những ai tưởng rằng những người CS hồi đó trong sạch, có lý tưởng làm to. Cha của tác giả chỉ vì đã làm việc trong một nhà ga nên coi như là đã cộng tác với thực dân Pháp nên bị họ

bắt cầm tù. Việc đó khoan nói là oan hay ưng. Chỉ biết rằng việc ông được thả ra hoàn toàn là do đứt lốt và mỹ nhân kế, qua sự trung gian của một người đàn bà có nước da trắng, ăn mặc tân thời, người ta gọi là cô giáo, nhưng có vóc dáng của một cô đầu. Việt Minh tham nhũng và dâm ô kể từ những năm cuối của thập niên 40 chứ không phải sau này. Tiếng cách mạng chỉ là trên đầu môi chót lưỡi, và người dân cũng biết là như vậy nhưng với vũ khí cung cấp bởi Mao Trạch Đông, người dân Việt không làm gì được để chống đối. Họ chỉ có thể bỏ vùng do Việt Minh kiểm soát để về Hà Nội, tuy là thành phố này do người Pháp cai trị.

Trái với những gì CS sau này tuyên truyền, tác giả cho biết quang cảnh Hà Nội trước Genève :

“Năm 1953, tình hình Hà Nội sáng sủa nhất. Thủ đô phát triển về mọi mặt rất nhanh. Sự thịnh vượng và huy hoàng lộ rõ (Trang 179).” Rất tiếc tại các nơi ngoài thành phố, vùng do họ kiểm soát, Việt Minh khủng bố người dân với những việc đầu tở của Cải Cách Ruộng đất, chém giết thẳng tay. Bởi vậy, việc người dân Miền Bắc di cư vào Miền Nam sau Hiệp định Genève chỉ chứng tỏ một điều là lòng dân chán ghét CS ngay từ những năm 50 của thế hệ trước. Chẳng có chiến đấu vì độc lập, tự do gì hết. Tất cả đều do hòng súng và do Cộng Sản Quốc Tế, đặc biệt là Công Sản Tàu. Cuốn hồi ký của TXD nói rõ điều này và những gì CS tô hồng chuốc lụy cho sự nghiệp Cách Mạng của họ sau này đều là nói láo. Việc này mọi người đều rõ, và sự sợ hãi, cúi đầu cam chịu của người dân trước sự lộng hành của CS chỉ cắt nghĩa được bằng sự sợ hãi. Sợ đến nỗi một người như Nguyễn Tuân sau này phải thú nhận là ông ta sờ dỉ sống sót được là vì biết sợ. Nói điều này chỉ là để xác nhận một điều: Công Sản chẳng qua chỉ là một bọn cướp, một bọn Mafia gieo rắc kinh hoàng cho người dân chẳng khác Al Capone tại Nữ Ớc ngày xưa.

Sau hiệp định Geneve, tác giả theo gia đình di cư vào Miền Nam. Tại đây, dưới chế độ Tự Do của Việt Nam Công Hòa, TXD đã có những năm tháng hạnh phúc. Tại trang 267 của tập hồi ký, ông viết:

“Học sinh vui sướng, tinh thần thoải mái. Chẳng ai bảo ai, toàn bộ học sinh CVA đều rất kính phục TT Ngô đình Diệm. Và cảm ơn nữa.” Nhưng dòng này tác giả viết tại Úc, sau khi TT Ngô đình Diệm đã qua đời trên 60 năm, không thể nói là để tuyên truyền hay vì áp lực nào khác. Đó là sự thực, 100% sự thực. Những ai thuộc thế hệ tác giả, trong đó có tôi, có thể xác nhận điều này. Nếu không có bọn CS và cuộc chiến sau này do chúng gây ra, thì chắc chắn là Việt Nam ngày nay đã khác xa, đã tiến bằng hay tiến hơn Đại Hàn.

Cuộc sống của người dân Miền Nam sau 1954 là một cuộc sống đã được tác giả tả lại tại trang 279:

“Sài Gòn sống trong cảnh thanh bình, thịnh vượng. Tôi đậu tú tài một, rồi tú tài hai, ban toán.” Nhờ Việt Nam Công Hòa, TXD lên đại học và vào trường Y Khoa. Rất tiếc, đến giai đoạn này, cuộc sống của người Miền Nam không còn được CS để yên nữa. Chúng đã một mặt mua chuộc được những người Miền Nam nhẹ dạ (như một ông trưởng giả người miền Nam là hàng xóm của ông trong đồng Ông Cộ), một mặt xua quân vượt vĩ tuyến 17 vào Miền Nam gây nên một cuộc chiến tranh vô cùng thảm khốc kéo dài mãi đến 1975, trong đó gần 3 triệu thanh niên đã bỏ mình, lãng nhách, không có gì có thể biện minh cho sự cần thiết của cuộc chiến này. Như đa số các thanh niên Miền Nam, TXD đã vào quân đội, không vì muốn chiến thắng ai, mà chỉ để bảo vệ nếp sống mà mình đã chọn. Nhưng người thanh niên Miền Nam, ưa hoà bình nhưng không còn một lựa chọn nào khác là hy sinh. Hãy nghe tác giả nói về trường hợp một người lính Miền Nam : trang 373:

“Một người từ ngày nhập ngũ tính đến nay đúng mười năm. Anh ta cứ ở nguyên một chỗ trên một nơi hẻo lánh, đó là một ngọn núi trong tình trạng vô cùng nguy hiểm, Hàng ngày, pháo kích của Việt Công rơi xuống chỗ đóng quân đều đặn. Từ ngọn núi này đi ra, không thể dùng đường bộ. Xe cộ sẽ bị Việt Công phục kích. Đời sống của những người tại đơn vị nhỏ này lệ thuộc vào những chuyến tiếp tế. Từ lương thực đến súng đạn, tất cả đều phải bằng máy bay...”

Anh lính này cưới vợ xong là đi lính, mỗi năm về phép hai lần, mỗi lần 7 ngày. Anh ở Long An. Những người như người thanh niên Miền Nam này sau đó bị gán cho hai chữ nguy quân. Không có gì vô lý hơn việc này. Nếu không có chiến tranh mà người CS gây nên, anh ta đã có mười năm hạnh phúc bên vợ con tại Long An. Anh ta có buôn bán gì với người Mỹ mà nói đến chuyện bán nước? Nói đi nói lại chỉ để nói lên một sự thực là đảng Công Sản phải chịu trách nhiệm về những đau đớn hy sinh của thế hệ này, trong Nam cũng như ngoài Bắc.

Sau khi cuộc chiến chấm dứt một cách tức tưởi dưới súng đạn mà Tàu Công cung cấp để người Việt Nam chém giết nhau dẫn đến cuộc Bắc Thuộc hiện nay mà nguy cơ mất nước lên cao độ hơn bất cứ thời đại nào, TXD còn phải chia sẻ với những người thanh



Trung úy Trần Xuân Dũng
Trưởng Tiểu đoàn 4 Thủy quân Lục chiến, 1966

niên Miền Nam thuộc thế hệ anh 3 kiếp nạn khủng khiếp nữa là Học Tập Cải Tạo, Vượt Biên và làm lại cuộc đời nơi xứ người (Úc).

Học tập cải tạo của bọn Việt Cộng thực ra chỉ là một loại ngục tù giống như Quần Đảo Goulag bên Nga mà Soljenitsyne đã mô tả, trong đó bọn cai tù dùng những biện pháp khủng bố về vật chất và tinh thần để triệt tiêu ý chí người tù, sao cho đối với họ, chỉ còn miếng ăn là quan trọng. Không còn chống đối, không còn ý chí, không còn danh dự, không còn nhân phẩm. Thời gian ở tù dài hay ngắn, người đi cải tạo hoàn toàn không biết. Trong đêm tối, họ dùng phương pháp chuyển trại, kẻ đi không biết tại sao mình đi, kẻ ở lại không biết tại sao mình phải ở lại, từ đó phát sinh ra những lời bàn bạc, phỏng đoán vu vơ, chủ yếu gây sự hoang mang, và người tù sống trong một không khí kinh hoàng, tuyệt vọng, đến nỗi nhiều người phải đi đến chỗ tự tử, vì họ không chịu được sự tra tấn về tinh thần này. Nếu không tự tử, thì sự thiếu dinh dưỡng, bệnh tật cũng tàn phá thân thể người tù. Đó là chỉ tiêu, là mục đích của cái gọi là học tập cải tạo. Hãy xem TXD tả lại quang cảnh trong trại học tập :

“Mỗi sáng, để chối bỏ tình trạng xuống dốc của cơ thể, anh em ráng tập đi bộ quanh những căn nhà....Nhìn họ, tôi biết họ đang lâm vào một chứng bệnh thuộc về thần kinh tâm lý. Đó là chứng bệnh khước từ hiện trạng, chối bỏ sự thật, tiếng Anh Denial”.

Và cái đêm kinh hoàng anh bị chuyển trại :

“Vài tháng sau, đến lượt tôi bị gọi tên. Gói ghém vật dụng, lên xe Molotova. Khuya đến, đoàn xe chuyển bánh. Xe không có mui, không có ghế. Cả người lẫn hành lý chồng chất lên nhau. Xe chạy suốt đêm. Lệnh cai tù là tiêu tiểu tại chỗ. BS Chi, thuộc bộ binh, vĩ cút đá ra quần Gió bạt hơi thổi, lúc hương này, lúc hương khác.”

Tất cả bài bản học tập cải tạo này, thực ra Việt Cộng học từ bọn Nga, mà tác giả của nó là những chuyên viên tâm lý lỗi lạc. Chúng ta đã nghe nói về những trại giam vùng Tây Bá Lợi Á bên Nga, không phải chỉ là tàn bạo đâu, có nghiên cứu, có bài bản khoa học hẳn hoi.

Nếu cuộc sống trong trại cải tạo đen tối, thì cuộc sống bên ngoài cũng không hơn gì. Người dân Miền Nam đã được hưởng tự do trong khoảng hai chục năm, dưới thời Cộng Hòa I, rồi Cộng Hoà II, khác với người Miền Bắc, họ không chịu nổi cái chế độ hà khắc là chế độ Cộng Sản, với sự quản trị cái bao tử của người dân, và những đợt đánh tư sản, đồ tiên làm họ khánh kiệt. Thời gian này là thời gian họ tổ chức những chuyến tàu vượt biên, nhất quyết rời bỏ Việt Nam, là quê hương họ, không luyến tiếc, chấp nhận những rủi ro, chết chìm tại biển đông, hay chết vì hải tặc. Nếu cái cột đèn Miền Nam có chân, chúng cũng bỏ đi. Mấy chục năm sau, hiện nay, năm 2018, ra ngoại quốc vẫn là giấc mơ của người Việt Nam. Tại sao như vậy, nếu không là việc lòng dân đã quá chán ghét Cộng Sản. Giấc mơ rời bỏ Việt Nam dù có hấp dẫn đến thế nào chẳng nữa cũng không phải là dễ thực hiện. Phải có phương tiện, có tiền và nhất là phải có sự may mắn nữa. Giới giang cách mấy cũng không thoát khỏi cái số phận con người, cái phước, cái đức mà tổ tiên để lại cho con cháu, Trần Xuân Dũng đã được hưởng cái phước đó và đã đem được gia đình sang Úc. Xem những trang giấy anh viết về quãng đời này của anh, không thể không có cảm nghĩ là anh này có phước quá. Cuộc đời của anh coi như 99% tàn tạ, chỉ có 1% may mắn thoát, vậy mà anh có được cái 1% đó, không hiểu tại sao.

Trần Văn Thủy, một đạo diễn Miền Bắc viết trong tác phẩm của ông Nếu Đi Hết Biển đại khái: Nếu đi hết biển qua Các Đại Dương, Châu Lục, đi mãi, đi mãi, thì sau cùng cũng lại trở về với quê mình, làng mình. Ý của ông này là tình Quê Hương trong một con người mãnh liệt và không gì có thể tiêu diệt được tình cảm này. Trần Văn Thủy đã làm. Người ta yêu quê hương nhưng khi quê hương ấy nằm trong tay những kẻ trời không dung, đất không tha như bọn Việt Cộng, thì thà Sống Chẳng Còn Quê như Trần Xuân Dũng còn hơn. Hãy nghe lời tâm sự của tác giả :

“Lúc nào tôi cũng khắc khoải về nước Việt Nam đã mất.”

Và bài thơ này của thi sỹ:

*Nghe chó sủa khuya, thấy nã nê
Nhắc đời đất khách kéo lê thê.
Ta vì thảm họa Miền Nam mất.
Sống chẳng còn quê, thác chẳng về*

Tôi đã đọc say mê liền một lèo trong một đêm mùa đông năm 2018 tại nơi tôi ở là thành phố Montréal, kho tuyết rơi, và ngoài trời giá lạnh, tập hồi ký của người bạn đồng môn. Gấp cuốn sách lại, tôi trầm ngâm suy

nghĩ. Ái nữ của tác giả, cô Chim Khuyên viết trong trang cuối cuốn sách: *“Tôi coi nước Úc là nhà, nhưng tôi biết rằng bố mẹ tôi lúc nào cũng vẫn cảm thấy như ở ngoại quốc.”*

Tôi biết rằng cũng như tôi, Trần Xuân Dũng lúc nào cũng vẫn thiết tha với Việt Nam, nhưng không về Việt Nam nếu vẫn còn Việt Công.

Lời kết của bài viết này, đã khá dài, là tôi xin nhắc các nhà đạo diễn điện ảnh Việt Nam, trong và ngoài nước: Nếu các bạn muốn tìm một tác phẩm để thực hiện một cuốn phim ngang hàng với *Guerre et Paix*, *Autant en emporte le Vent*, *Docteur Jivago*, thì xin hãy đọc *Sống Chẳng Còn Quê* của Bác Sĩ Trần Xuân Dũng theo địa chỉ trên Internet: txdung399.blogspot.com.

Trân trọng.
Trần Mộng Lâm